

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 39
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tiền thân là Công ty Vận tải Ô tô số 8 được thành lập theo Quyết định số 1526/2003/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Vận tải Ô tô số 8 thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 và được cấp lại mã số doanh nghiệp theo Đăng ký kinh doanh số 0103002535 ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số là 0100108913 ngày 15 tháng 5 năm 2012 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Quang Vinh	Chủ tịch	
Ông Bùi Văn Hữu	Ủy viên	
Bà Phạm Thị Song Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Long	Ủy viên	
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên	
Ông Phạm Hoàng Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2016
Ông Trần Hữu Hưng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Ngọc Kiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2016
Ông Phạm Văn Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Cao Đức Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2016
Ông Phạm Văn Đức	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2016
Ông Bùi Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cao Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ chế độ ngày 01 tháng 12 năm 2016
Ông Hoàng Văn Hoạt	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2016
Ông Phạm Quang Vinh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2016
Bà Đỗ Hồng Vân	Phụ trách kế toán	Từ ngày 22/02/2016 đến ngày 29/12/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Long



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TÀI Ô TÔ SỐ 8**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Giám đốc

Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.782.391.311	28.511.122.462
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.973.287.829	2.508.352.812
1.	Tiền	111		1.973.287.829	2.508.352.812
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.308.786.766	21.991.865.849
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	9.573.614.267	19.257.868.942
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		46.809.496.274	308.300.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.925.676.225	2.925.696.907
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(500.000.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	21.931.168.193	2.610.342.593
1.	Hàng tồn kho	141		21.931.168.193	2.610.342.593
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.569.148.523	1.400.561.208
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	609.500.665	934.301.168
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		957.540.171	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	2.107.687	466.260.040
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.110.818.989	38.006.013.686
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		300.000.000	300.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	300.000.000	300.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		25.716.878.839	30.236.482.958
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	25.716.878.839	30.236.482.958
	- Nguyên giá	222		36.418.493.336	40.398.043.957
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.701.614.497)	(10.161.560.999)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	5.382.305.411	5.472.632.671
1.	Nguyên giá	231		7.938.225.549	7.369.427.959
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.555.920.138)	(1.896.795.288)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	52.250.000	157.997.631
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		52.250.000	157.997.631
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	500.000.000	500.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.159.384.739	1.338.900.426
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.056.372.444	1.328.670.926
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		103.012.295	10.229.500
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.893.210.300	66.517.136.148

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		36.755.300.056	36.456.164.588
I.	Nợ ngắn hạn	310		27.943.550.054	24.249.050.950
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	56.083.600	9.770.944.426
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.574.191.000	975.400.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	188.731.584	236.363.500
4.	Phải trả người lao động	314		369.000.000	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.195.656.398	292.590.404
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	24.466.363.636	12.914.983.636
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		93.523.836	58.768.984
II.	Nợ dài hạn	330		8.811.750.002	12.207.113.638
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.14	239.000.000	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	8.572.750.002	12.207.113.638
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.137.910.244	30.060.971.560
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	80.137.910.244	30.060.971.560
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.739.790.000	27.249.450.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.739.790.000	27.249.450.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		24.371.790.000	550.000
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		435.820.928	435.820.928
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.151.557.305	2.139.789.235
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.438.952.011	235.361.397
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		35.304.210	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.403.647.801	235.361.397
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.893.210.300	66.517.136.148

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Đỗ Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hoạt

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	152.119.757.243	154.889.813.744
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		152.119.757.243	154.889.813.744
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	141.726.935.890	145.913.996.827
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.392.821.353	8.975.816.917
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.891.959.524	431.619.073
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	2.120.597.896	1.491.386.367
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.120.597.896	1.491.386.367
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	2.939.654.537	2.218.037.223
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	4.425.285.697	4.471.006.399
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.799.242.747	1.227.006.001
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	-	4.214.071.298
12.	Chi phí khác	32	VI.06	1.725.322.140	5.037.456.614
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.725.322.140)	(823.385.316)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.073.920.607	403.620.685
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	670.272.805	168.259.288
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.403.647.802	235.361.397
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	345	17
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	345	17

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Hồng Vân



Hoàng Văn Hoạt



Phạm Hoàng Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		169.619.273.384	156.249.590.303
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(206.713.682.969)	(135.123.133.053)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.447.955.445)	(13.136.772.477)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(2.120.597.896)	(1.414.420.867)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(32.000.000)	(968.008.130)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.181.184.123	10.291.476.807
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.076.668.512)	(18.954.229.744)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(58.590.447.315)	(3.055.497.161)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.194.951.245)	(20.887.983.994)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.199.090.910	5.838.727.273
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.152.926.551	46.889.073
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.157.066.216	(15.002.367.648)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		48.980.680.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		54.867.615.000	40.952.020.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(46.950.598.636)	(20.160.714.393)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.907.461.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		56.897.696.364	17.883.844.107
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(535.684.735)	(174.020.702)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.508.352.812	2.682.373.514
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		619.752	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.973.287.829	2.508.352.812

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Hồng Vân

Hoàng Văn Hoạt

Phạm Hoàng Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư***Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	04 – 15 năm
-----------	-------------

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	283.222.878	207.638.903
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.690.064.951	2.300.713.909
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u><u>1.973.287.829</u></u>	<u><u>2.508.352.812</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết + Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 (*)	-	-	-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác + Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải Ô tô	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-	500.000.000	-

(*) Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 được thành lập ngày 19 tháng 12 năm 2016 với vốn điều lệ là 40.946.330.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8 cam kết góp 12.283.900.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8. Vốn thực góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 là 0 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 chưa phát sinh hoạt động nào.

Thông tin chi tiết đầu tư vào đơn vị khác:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	Số 11, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà nội	10%	10%	- Bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, hoán cải phương tiện vận tải đường bộ. - Vận tải hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.573.614.267	19.257.868.942
- Công ty TNHH Kerry Integrated Logistics	-	13.980.000.000
- Công ty Cổ phần ô tô TMT	2.767.564.044	1.194.745.916
- Công ty Quảng cáo Hưng Yên	668.300.000	1.155.000.000
- Công ty CP Ô tô Hải Dương	1.863.600.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.274.150.223	2.928.123.026
Cộng	9.573.614.267	19.257.868.942

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.767.564.044	1.194.745.916
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT	2.767.564.044	1.194.745.916
Cộng	2.767.564.044	1.194.745.916

04. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	1.925.676.225	-	2.925.696.907	(500.000.000)
- Tạm ứng	1.551.535.127	-	1.878.282.273	-
- Phải thu khác	374.141.098	-	1.047.414.634	(500.000.000)
+ Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	-	-	1.000.000.000	(500.000.000)
+ Công ty Cổ phần Ô tô TMT	355.068.498	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	19.072.600	-	47.414.634	-
b. Dài hạn	300.000.000	-	300.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	-	300.000.000	-
Cộng	2.225.676.225	-	3.225.696.907	(500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	-	-	1.000.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	-	-	1.000.000.000	500.000.000
Cộng	-	-	1.000.000.000	500.000.000

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	114.782.795	-
- Hàng hoá	21.931.168.193	-	2.495.559.798	-
Cộng	21.931.168.193	-	2.610.342.593	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	52.250.000	157.997.631
Cộng	52.250.000	157.997.631

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10.983.318.398	1.028.940.002	28.290.892.375	94.893.182	40.398.043.957
- Mua trong năm	-	637.850.000	-	-	637.850.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	323.400.447	-	-	-	323.400.447
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.940.801.068)	-	(4.940.801.068)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.306.718.845	1.666.790.002	23.350.091.307	94.893.182	36.418.493.336
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.503.324.604	230.267.002	6.349.184.393	78.785.000	10.161.560.999
- Khấu hao trong năm	710.536.720	207.604.191	2.545.545.825	12.878.640	3.476.565.376
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.936.511.878)	-	(2.936.511.878)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.213.861.324	437.871.193	5.958.218.340	91.663.640	10.701.614.497
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	7.479.993.794	798.673.000	21.941.707.982	16.108.182	30.236.482.958
2. Tại ngày cuối năm	7.092.857.521	1.228.918.809	17.391.872.967	3.229.542	25.716.878.839

Nguyên giá và giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là 18.998.448.317 đồng và 15.537.685.517 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.120.505.189 đồng
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	7.369.427.959	568.797.590	-	7.938.225.549
- Nhà	7.369.427.959	568.797.590	-	7.938.225.549
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.896.795.288	659.124.850	-	2.555.920.138
- Nhà	1.896.795.288	659.124.850	-	2.555.920.138
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	5.472.632.671	568.797.590	659.124.850	5.382.305.411
- Nhà	5.472.632.671	568.797.590	659.124.850	5.382.305.411

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	609.500.665	934.301.168
- Chi phí bảo hiểm	268.215.435	594.200.500
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	74.991.744	79.690.476
- Phí bảo trì đường bộ	91.865.332	196.356.200
- Thuê kho bãi	120.000.000	-
- Các khoản khác	54.428.154	64.053.992
b. Dài hạn	1.056.372.444	1.328.670.926
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	328.348.603	465.512.900
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	589.644.057	820.050.000
- Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ đất	138.379.784	43.108.026
Cộng	1.665.873.109	2.262.972.094

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
11. Vay và nợ thuê tài chính									
a. Vay ngắn hạn	12.914.983.636	12.914.983.636	58.501.978.636	46.950.598.636	24.466.363.636	24.466.363.636	24.466.363.636		
- Vay ngân hàng	4.718.620.000	4.718.620.000	54.562.615.000	38.671.235.000	20.610.000.000	20.610.000.000	20.610.000.000		
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai ^(a)	4.718.620.000	4.718.620.000	52.602.615.000	38.671.235.000	18.650.000.000	18.650.000.000	18.650.000.000		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNTVN – CN Hà Nội ^(b)	-	-	1.960.000.000	-	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000		
- Vay đối tượng khác	4.460.000.000	4.460.000.000	305.000.000	4.765.000.000	-	-	-		
+ Công ty cổ phần ô tô TMT	3.000.000.000	3.000.000.000	305.000.000	3.000.000.000	-	-	-		
+ Vay cá nhân	1.460.000.000	1.460.000.000	305.000.000	1.765.000.000	-	-	-		
- Vay dài hạn đến hạn trả	3.736.363.636	3.736.363.636	3.634.363.636	3.514.363.636	3.856.363.636	3.856.363.636	3.856.363.636		
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai ^(c)	3.616.363.636	3.616.363.636	3.514.363.636	3.394.363.636	3.736.363.636	3.736.363.636	3.736.363.636		
+ Công ty Ford thủ đô ^(d)	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000		
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.207.113.638	12.207.113.638	-	3.634.363.636	8.572.750.002	8.572.750.002	8.572.750.002		
b.1. Vay dài hạn	12.207.113.638	12.207.113.638	-	3.634.363.636	8.572.750.002	8.572.750.002	8.572.750.002		
Từ 1 năm đến 5 năm	12.207.113.638	12.207.113.638	-	3.634.363.636	8.572.750.002	8.572.750.002	8.572.750.002		
- Vay ngân hàng	11.937.113.638	11.937.113.638	-	3.514.363.636	8.422.750.002	8.422.750.002	8.422.750.002		
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai ^(c)	11.937.113.638	11.937.113.638	-	3.514.363.636	8.422.750.002	8.422.750.002	8.422.750.002		
- Vay đối tượng khác	270.000.000	270.000.000	-	120.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000		
+ Công ty Ford thủ đô ^(d)	270.000.000	270.000.000	-	120.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000		
Cộng	25.122.097.274	25.122.097.274	58.501.978.636	50.584.962.272	33.039.113.638	33.039.113.638	33.039.113.638		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(a): Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 0304/2015-HỆTDHM/NHCT136-OTOSO8 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ là 8%/năm. Ngay sau khi Ngân hàng giải ngân, các tài sản hình thành từ vốn vay sẽ được đưa vào thế chấp toàn bộ cho khoản vay.

(b): Là số tiền vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201607236/HỆTD ngày 30 tháng 12 năm 2016 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất 7,5%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(c) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai, bao gồm 4 hợp đồng vay:

Hợp đồng tín dụng số 1009/2015-HDDTDDDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư cải tạo bãi xe, nhà kho, nhà xưởng với tổng giá trị vay không vượt quá 4.000.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 05/2015-HỆTDĐA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị vay không vượt quá 5.000.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 08/2014-HỆTDĐA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị không vượt quá 9.000.000.000 đồng và thời hạn cho vay các khoản nợ là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Các khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản đảm bảo theo các hợp đồng bảo đảm, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 143/2015/HỆTC ký ngày 14/01/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 1119/2015/HỆTC ký ngày 26/3/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 1302/2015/HỆTC ký ngày 13/2/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 3428/2015/HỆTC ký ngày 12/08/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Tổng nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản thế chấp lần lượt là 18.998.448.317 đồng và 17.437.530.317 đồng.

(d) Là số tiền vay Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô, lãi suất 0% theo Hợp đồng liên kết số 04/2002/HĐ-LK giữa Công ty Vận tải Ô tô số 8 và Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô ngày 26 tháng 7 năm 2002.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn		56.083.600		9.770.944.426
- Công ty CP ô tô TMT	-	-	9.770.944.426	9.770.944.426
- Công ty Ninh Hải	-	-	5.646.954.226	5.646.954.226
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	56.083.600	56.083.600	1.430.000.000	1.430.000.000
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	2.693.990.200	2.693.990.200
Cộng	56.083.600	56.083.600	9.770.944.426	9.770.944.426

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP ô tô TMT	-	-	5.646.954.226	5.646.954.226
Cộng	-	-	5.646.954.226	5.646.954.226

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm		
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.279.004.474	2.279.004.474	2.478.750.219	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	462.037.172	670.272.805	670.272.805	32.000.000	-	-	-	-	176.235.633	176.235.633
- Thuế thu nhập cá nhân	-	36.190.389	36.190.389	60.312.193	-	-	-	-	12.495.951	12.495.951
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.222.868	9.206.412.435	9.206.412.435	9.204.297.254	2.107.687	2.107.687	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	51.243.498	51.243.498	51.243.498	-	-	-	-	-	-
Cộng	466.260.040	12.243.123.601	12.243.123.601	11.826.603.164	2.107.687	2.107.687	188.731.584	188.731.584	188.731.584	188.731.584

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	1.195.656.398	292.590.404
- Kinh phí công đoàn	75.635.575	40.518.068
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.132.094	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.110.888.729	252.072.336
+ Công ty TNHH Máy công trình Toàn Phát	1.050.000.000	-
+ Các đối tượng khác	60.888.729	252.072.336
b) Dài hạn	239.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	239.000.000	-
Cộng	1.434.656.398	292.590.404

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.249.450.000	550.000	435.820.928	1.739.789.235	4.044.515.314	33.470.125.477
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	235.361.397	235.361.397
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	400.000.000	(4.044.515.314)	(3.644.515.314)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước / Số dư đầu năm nay	27.249.450.000	550.000	435.820.928	2.139.789.235	235.361.397	30.060.971.560
Tăng vốn trong năm nay (*)	24.490.340.000	24.490.340.000	-	-	-	48.980.680.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.403.647.802	1.403.647.802
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	11.768.070	(200.057.188)	(188.289.118)
Giảm khác	-	(119.100.000)	-	-	-	(119.100.000)
Số dư cuối năm nay	51.739.790.000	24.371.790.000	435.820.928	2.151.557.305	1.438.952.011	80.137.910.244

(*) Theo tờ trình số 546/TT-OTO8-HĐQT ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng quản trị thì vốn huy động dự kiến là 54.498.900.000 đồng được sử dụng như sau:

- Phát triển hạ tầng kho bãi, phục vụ Logistics 45.000.000.000 đồng
 - Bổ sung vốn lưu động 9.498.900.000 đồng
- Cộng 54.498.900.000 đồng**

Phương án tăng vốn và phương án sử dụng vốn nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/NQ-OTO8-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 11 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thực tế vốn huy động được từ đợt phát hành trong năm là 48.980.680.000 đồng.

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-OTO8-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2016 (theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) thông qua điều chỉnh phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là bổ sung toàn bộ số tiền 48.980.680.000 đồng cho vốn lưu động.

Tổng số vốn tăng trong năm được Công ty sử dụng như sau: chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Ô tô TMT vay theo các Nghị quyết Hội đồng quản trị số 361/NQ-OTO8/HĐQT ngày 29 tháng 4 năm 2016 và hợp đồng hỗ trợ sử dụng vốn số 01/2016-HĐHTV/TMT-VT8 ngày 3/5/2016, số tiền 30.000.000.000 đồng; Nghị quyết hội đồng quản trị số 362/NQ-OTO8/HĐQT ngày 03 tháng 5 năm 2016 và hợp đồng hỗ trợ sử dụng vốn số 02/2016 – HĐHTV/TMT – VT8 ngày 04/5/2016, số tiền 18.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng vốn là 03 tháng với lãi suất 9%/năm. Hết thời hạn của các hợp đồng sử dụng vốn nêu trên, khoản tiền trên được sử dụng để thanh toán tiền mua hàng từ Công ty Cổ phần Ô tô TMT.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Vốn góp của công ty CP Ô tô TMT	29.520.820.000	57,06%	14.760.410.000	54,17%
- Vốn góp của các đối tượng khác	22.218.970.000	42,94%	12.489.040.000	45,83%
+ Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	12.866.520.000	24,87%	6.433.260.000	23,61%
+ Các đối tượng khác	9.352.450.000	18,08%	6.055.780.000	22,22%
Cộng	51.739.790.000	100,00%	27.249.450.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.249.450.000	27.249.450.000
+ Vốn góp tăng trong năm	24.490.340.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	51.739.790.000	27.249.450.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.907.461.500

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.173.979	2.724.945
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.173.979	2.724.945
+ Cổ phiếu phổ thông	5.173.979	2.724.945
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.173.979	2.724.945
+ Cổ phiếu phổ thông	5.173.979	2.724.945
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.151.557.305	2.139.789.235
- Vốn khác chủ sở hữu	435.820.928	435.820.928
Cộng	2.587.378.233	2.575.610.163

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	196,2	-
<i>Nợ khó đòi đã xử lý</i>		
- Công ty CP Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Đông Nam Á (Tiền mua xe ô tô)	150.052.500	150.052.500

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	90.541.454.550	94.143.909.087
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.175.287.089	48.920.858.008
Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.403.015.604	11.825.046.649
Cộng	<u>152.119.757.243</u>	<u>154.889.813.744</u>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan:		
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT	26.243.394.873	22.892.889.688

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	86.192.179.550	89.323.495.452
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.061.116.002	45.867.673.448
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	10.473.640.338	10.722.827.927
Cộng	<u>141.726.935.890</u>	<u>145.913.996.827</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.152.926.551	16.889.073
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	30.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	18.539.821	-
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.720.493.152	384.730.000
Cộng	<u>2.891.959.524</u>	<u>431.619.073</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	2.120.597.896	1.491.386.367
Cộng	<u>2.120.597.896</u>	<u>1.491.386.367</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Bán thanh lý tài sản	-	3.862.443.548
- Thu nhập khác	-	351.627.750
Cộng	-	4.214.071.298

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	805.987.222	-
- Phạt chậm nộp thuế	919.334.918	-
- Chi phí thuế đất bổ sung của những năm trước	-	5.009.129.819
- Các khoản khác	-	28.326.795
Cộng	1.725.322.140	5.037.456.614

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.925.285.697	4.471.006.399
- Chi phí nhân viên quản lý	1.937.596.685	1.230.971.600
- Chi phí vật liệu quản lý	19.568.237	100.154.447
- Chi phí đồ dùng văn phòng	11.864.660	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	62.216.318	137.067.016
- Thuế, phí và lệ phí	52.630.975	3.000.000
- Chi phí dự phòng	-	500.000.000
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.841.408.822	2.499.813.336
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	2.939.654.537	2.218.037.223
- Chi phí nhân viên	1.646.355.487	1.351.152.640
- Chi phí vật liệu, bao bì	139.120.502	165.492.858
- Chi phí khấu hao TSCĐ	169.816.132	167.667.849
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.414.007	437.769.867
- Các khoản khác bằng tiền	173.948.409	95.954.009
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(500.000.000)	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(500.000.000)	-
Cộng	7.364.940.234	6.689.043.622

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành ⁽ⁱ⁾	600.323.141	168.259.288
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	69.949.664	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	670.272.805	168.259.288

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

⁽ⁱ⁾ :Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.073.920.607
Các khoản điều chỉnh tăng	946.234.917
Chi phí phạt chậm nộp thuế	919.334.917
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	26.900.000
Các khoản điều chỉnh giảm	18.539.821
Lãi CLTG do đánh giá lại cuối năm của khoản phải thu và TGNH	18.539.821
Thu nhập tính thuế TNDN	3.001.615.703
Thuế suất thuế TNDN	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	600.323.141

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.403.647.802	235.361.397
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.403.647.802	235.361.397
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	188.289.118
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.073.591	2.724.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	345	17

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.403.647.802	235.361.397
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.403.647.802	235.361.397
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	188.289.118-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.073.591	2.724.945
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	345	17

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.595.979.788	11.809.044.978
- Chi phí nhân công	15.010.171.283	13.023.589.014
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.134.901.284	3.345.166.756
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.592.639.148	24.590.022.434
- Chi phí khác bằng tiền	13.066.005.071	17.558.354.780
Cộng	<u>63.399.696.574</u>	<u>70.326.177.962</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	952.430.000	650.466.000
Phụ cấp	60.000.000	
Cộng	<u>1.012.430.000</u>	<u>650.466.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Ô tô TMT	Công ty mẹ chiếm 57,06% vốn điều lệ

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Ô tô TMT		
Mua hàng hóa	104.674.073.199	85.579.704.544
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	35.119.091	-
Tiền chiết khấu thanh toán nhận được	1.720.493.152	384.730.000
Lãi cho vay phải thu	1.088.876.712	-
Chuyển tiền cho vay	48.000.000.000	-
Chuyển tiền cho vay sang thanh toán tiền mua hàng	48.000.000.000	
Mua tài sản	-	10.672.727.275
Cổ tức trả trong năm	-	1.574.895.200

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03 và V.13, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Ô tô TMT		
- Trả trước cho người bán	46.745.217.274	-
- Đặt cọc tiền mua xe	300.000.000	300.000.000
- Phải thu khác	355.068.498	-
Cộng nợ phải thu	<u>47.400.285.772</u>	<u>300.000.000</u>

03. Thay đổi chính sách kế toán**Điều chỉnh hồi tố**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u>	<u>Số điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	86	(69)	17
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	86	(69)	17

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Dịch vụ	Kinh doanh BDS	Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	90.541.454.550	45.175.287.089	16.403.015.604	152.119.757.243
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	90.116.667.785	47.019.223.298	11.184.623.413	148.320.514.496
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	424.786.765	(1.843.936.209)	5.218.392.191	3.799.242.747
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.449.353.626	1.222.094.938	443.739.124	4.115.187.688
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.210.478.018	2.100.800.724	1.001.734.369	7.313.013.111
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	68.102.568.646	33.979.497.075	12.337.856.750	114.419.922.471
- Tài sản không phân bổ				2.473.287.829
Tổng tài sản	68.102.568.646	33.979.497.075	12.337.856.750	116.893.210.300
- Nợ phải trả bộ phận	21.821.034.989	10.887.515.836	3.953.225.395	36.661.776.220
- Nợ phải trả không phân bổ				93.523.836
Tổng nợ phải trả	21.821.034.989	10.887.515.836	3.953.225.395	36.755.300.056

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Dịch vụ	Kinh doanh BĐS	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	94.143.909.087	48.920.858.008	11.825.046.649	154.889.813.744
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	94.033.316.794	48.315.080.862	11.314.410.087	153.662.807.743
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	110.592.293	605.777.146	510.636.562	1.227.006.001
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	8.438.599.925	4.385.026.634	1.059.939.392	13.883.565.951
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.140.603.478	1.112.341.306	268.872.795	3.521.817.579
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	38.601.409.480	20.058.802.427	4.848.571.429	63.508.783.336
- Tài sản không phân bổ				3.008.352.812
Tổng tài sản	31.902.291.886	19.134.098.044	5.472.632.671	66.517.136.148
- Nợ phải trả bộ phận	22.122.778.896	11.495.861.343	2.778.755.365	36.397.395.604
- Nợ phải trả không phân bổ				58.768.984
Tổng nợ phải trả	22.122.778.896	11.495.861.343	2.778.755.365	36.456.164.588

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.973.287.829	-	2.508.352.812	-	1.973.287.829	2.508.352.812
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.947.755.365	-	20.605.283.576	(500.000.000)	9.947.755.365	20.105.283.576
Đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	12.421.043.194	-	23.613.636.388	(500.000.000)	12.421.043.194	23.113.636.388

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	56.083.600	9.770.944.426	56.083.600	9.770.944.426
Vay và nợ	33.039.113.638	25.122.097.274	33.039.113.638	25.122.097.274
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.110.888.729	252.072.336	1.110.888.729	252.072.336
Cộng	34.206.085.967	35.145.114.036	34.206.085.967	35.145.114.036

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

01. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (xem thuyết minh số V.09 và V.012). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
Phương tiện vận tải gồm: + 15 xe ô tô đầu kéo	11.875.799.627	Điều khoản và điều kiện thế chấp được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số: 1009/2015-HDDTDDDDA/NHCT136-OTO8;
+ 15 chiếc somi romooc	3.661.885.890	05/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8; 01/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8; 08/2014-HDTDDA/NHCT 136- OTO8 ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.
Cộng	<u>15.537.685.517</u>	
Số đầu năm		
Phương tiện vận tải gồm: + 15 xe ô tô đầu kéo	13.323.774.227	Điều khoản và điều kiện thế chấp được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số: 1009/2015-HDDTDDDDA/NHCT136-OTO8;
+ 15 chiếc somi romooc	4.113.756.090	05/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8; 01/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8; 08/2014-HDTDDA/NHCT 136- OTO8 ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.
Cộng	<u>17.437.530.317</u>	

02. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty mẹ vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

03. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	56.083.600	-		56.083.600
Vay và nợ	24.466.363.636	8.572.750.002	-	- 33.039.113.638
Các khoản phải trả khác	1.110.888.729	-		1.110.888.729
Cộng	<u>25.633.335.965</u>	<u>8.572.750.002</u>	<u>-</u>	<u>34.206.085.967</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	9.770.944.426	-		9.770.944.426
Vay và nợ	12.914.983.636	12.207.113.638	-	- 25.122.097.274
Các khoản phải trả khác	252.072.336	-		252.072.336
Cộng	<u>22.938.000.398</u>	<u>12.207.113.638</u>	<u>-</u>	<u>35.145.114.036</u>

04. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

05. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán(chi tiết VIII.03).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Đỗ Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Hoạt

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017



Phạm Hoàng Long